

Số: - NQ/GIC-ĐHĐCĐ
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ - KIỂM ĐỊNH VÀ ĐKT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Kiểm định và Địa kỹ thuật;
- Căn cứ Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Kiểm định và Địa kỹ thuật đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/03/2021;
- Căn cứ các báo cáo và tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Kiểm định và Địa kỹ thuật ngày 26/3/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 - Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2016 -2021 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 -2026;

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;

3. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH hãng kiểm toán

AASC với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VN Đồng

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	25.055.757.483	22.744.157.439
2	Tổng doanh thu	15.875.809.834	9.493.006.250
3	Lợi nhuận trước thuế	1.173.017.344	364.757.384
4	Lợi nhuận sau thuế	935.693.254	308.857.511
5	Tỷ xuất LN sau thuế/Tổng DT(%)	5,89	3,25
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	884	292
7	Phát sinh phải nộp NSNN	2.341.221.804	1.316.795.072
8	Tổng mức đầu tư XD CB và mua	30.000.000	327.330.700

	sắm tài sản cố định		
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	6.579.621	5.098.000

4. **Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020:** Để lại 100% LNST chưa phân phối.
5. **Quyết toán thù lao năm 2020 của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:** 47.495.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn*).
6. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % KH/TH
1	Tổng giá trị tài sản	22.744	20.000	
2	Giá trị sản lượng:	8.247	16.000	
3	Tổng doanh thu <i>Trong đó: DTSXKD tự thực hiện</i>	9.492	13.545 7.500	
4	Lợi nhuận trước thuế <i>Trong đó: Từ SXKD chính</i> <i>Trích lập DP phải thu & hàng tồn kho:</i>	364 169	259 1.015 (756)	
5	Lợi nhuận sau thuế <i>Trong đó: Từ SXKD chính</i> <i>Lỗ khác do trích lập dự phòng</i>	308 113	207 812 (605)	
6	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng doanh thu (%) <i>Trong đó Tỷ suất LNST/DTTTH (%)</i>	3,25 3,94	2 (11)	
7	Tỷ suất LNST/VCSH (%)	2.92	2.45	
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	1,88	1,80	
9	Lãi cơ bản/CP	292	196	
10	Nộp NSNN	1.316	1.500	
11	Thu nhập bình quân/tháng/người	5,1	7.0	
12	Tổng mức đầu tư XDCB và mua sắm tài sản cố định	327	500	

7. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2021- 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	% BQ năm
----	----------	------	------	------	------	------	----------

1	Tổng GT tài sản	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	100
2	Giá trị sản lượng	16.000	16.480	16.974	17.483	18.007	113
3	Tổng doanh thu <i>Trong đó: DTSXKD tự thực hiện</i>	13.545 7.500	13.951 7.800	14.370 8.000	14.801 8.500	15.245 9.000	113 120
4	Lợi nhuận trước thuế <i>Trong đó từ SXKD chính</i> Trích lập DP phải thu & hàng tồn kho	259 1.015 (756)	290 1.045 (756)	321 1.077 (756)	354 1.110 (756)	387 1.143 (756)	149
5	Lợi nhuận sau thuế <i>Trong đó từ SXKD chính</i> Lỗ khác do trích lập dự phòng	207 812 (605)	232 837 (605)	257 862 (605)	283 888 (605)	310 914 (605)	149
6	Tỷ suất LNST/TDT(%) <i>Tỷ suất LNST/DTTH(%)</i>	2 11	1.66 10.73	1.79 10.77	1.91 10.45	2.03 10.16	133
7	Tỷ suất LNST/VCSH (%)	1.95	2.19	2.42	2.67	2.93	111
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	1.80	1.80	1.80	1.80	1.80	
9	Lãi cơ bản/cổ phần	196	219	243	268	293	149
10	Phát sinh nộp NSNN	1.500	1.500	1.550	1.600	1.650	110
11	TNBQ/tháng/người	7.0	7.2	7.5	8.0	8.2	
12	Tổng mức ĐTXDCB và mua sắm TS CĐ	500	500	400	500	600	117

8. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021: Chưa phân phối.

9. Dự toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021:

Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS kế hoạch năm 2021 là 67.680.000 đồng, khoảng 0,5 % tổng doanh thu kế hoạch, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng làm việc	Mức thù lao /người/tháng/	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	1.410	16.920
2	Thành viên HĐQT	2	0,8	12	1.128	27.072
3	Trưởng BKS	1	0,6	12	0.846	10.152
4	Thành viên BKS	2	0,4	12	0.64	13.536
	Tổng cộng:	6/6	4	-	-	67.680

Thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

10. Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Theo lựa chọn của Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP để thống nhất trong nhóm TEDL.

11/ Bổ sung ngành nghề kinh doanh.

TT	Tên ngành nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Đào tạo sơ cấp: Chi tiết: - Nghiệp vụ xây dựng cầu, đường bộ; - Vẽ kỹ thuật trên máy vi tính; - Công nghệ thông tin; - Khảo sát địa chất công trình; - Khoan thăm dò địa chất; - Khảo sát địa hình; - Trắc địa công trình.	8531	
2	Giáo dục khác chưa phân vào đâu: Chi tiết - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; - Đào tạo nghiệp vụ thiết kế công trình giao thông; - Đào tạo nghiệp vụ tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông; - Đào tạo chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông; - Đào tạo nghiệp vụ đấu thầu; - Đào tạo nghiệp vụ lập dự toán, đánh giá dự án đầu tư; - Đào tạo thí nghiệm viên đường bộ; - Dạy máy tính; - Dạy ngoại ngữ; - Đào tạo kỹ năng đàm thoại, kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo kỹ năng quản lý, marketing, bán hàng; - Đào tạo kỹ năng phát triển cá nhân, phát triển bản thân	8559	
3	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
4	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng	4511	
5	Bán lẻ ô tô con, loại 9 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng	4512	
6	Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá ô tô con 9 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng; đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá xe có	4513	

	động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.		
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác	4520	
8	Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế, xây dựng công trình.	4659	
10	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931	
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
12	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
13	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
15	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô Cho thuê xe có động cơ khác	7710	
16	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730	
17	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu	4662	

18	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	
19	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752	

12. Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty: Cập nhật sửa đổi các điều khoản có thay đổi theo luật doanh nghiệp 2020 và các Nghị định thông tư hướng dẫn liên quan (có phụ lục kèm theo)

Điều 2 : Thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

- Hội đồng quản trị: Các ông có tên sau trúng cử vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:
 - Ông Võ Hoàng Hà
 - Ông Đỗ Văn Đang
 - Ông Lê Quý Hợi
- Ban kiểm soát: Các ông (bà) có tên sau trúng cử vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:
 - Ông Lê Tiến Lộc
 - Bà Nguyễn Thị Minh Hương
 - Bà Chu Thị Ánh Mai

Điều 3: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Kiểm định và Địa kỹ thuật.

Điều 4 : Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 03 năm 2021./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- Tổng công ty
- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT.

Võ Hoàng Hà